TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/5/2022.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Giang
2. Bà Trần Thị Gấm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Ha Thị L - Sinh năm 1994
Địa chỉ: thôn X, xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Lê Văn H - Sinh năm 1983
Nơi ĐKHKTT: thôn X, xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
Nơi chấp hành án: Phân trại số 5, Trại giam T, địa chỉ: xã T, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022, bản tự khai ngày 31/3/2022, đơn xin xét xử vắng mặt* và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ha Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2009, đến ngày 16/10/2012 hai bên mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X,

huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm khiến tình cảm vợ chồng nhạt phai; vợ chồng không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nên hai bên đã nói chuyện chia tay để giải thoát cho nhau. Tuy nhiên, năm 2017 anh H bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử 08 năm 06 tháng tù và hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 05 - Trại giam T nên hai bên dừng việc làm thủ tục xin ly hôn.

Nay xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung, chị L trình bày: Chị và anh H có 01 con chung là: Lê Thị T, sinh ngày 15/9/2009. Hiện nay cháu T đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Thị T. Anh H đang phải chấp hành án nên chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Chị Ha Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ha Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng thực giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; đơn xin xác nhận, phiếu xác nhận; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải trước khi thụ lý vụ án; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, chị L nộp thêm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của bị đơn Lê Văn H:*

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/4/2022 anh Lê Văn H công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị L đã trình bày. Nay chị L làm đơn ra Tòa án xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Ha Thị L.

Về con chung, anh H công nhận anh và chị L có 01 con chung là: Lê Thị T, sinh ngày 15/9/2009. Anh H đồng ý để chị L trực tiếp nuôi cháu Lê Thị T. Do anh đang phải chấp hành án nên không thể cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kèm theo biên bản ghi lời khai, anh H đã nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của con chưa thành niên:* Tại bản tự khai ngày 12/4/2021, cháu Lê Thị T trình bày nguyện vọng: Nếu chị và anh H ly hôn thì, cháu xin được ở với chị.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ha Thị L về việc ly hôn, nuôi con chung. Theo đó, đề nghị xử cho chị Ha Thị L được ly hôn anh Lê Văn H; giao cháu Lê Thị T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Về án phí, chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện Như Thanh tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Ha Thị L và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa 16/10/2012. Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 8; 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã có ý định làm thủ tục ly hôn từ năm 2017, nhưng anh H bị kết án 8 năm 6 tháng tù nên chưa làm được thủ tục ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L và anh H đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Ha Thị L và anh Lê Văn H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Xét nguyện vọng của chị L và anh H về trách nhiệm nuôi con chung thấy rằng: Anh chị đều đề nghị giao cháu Lê Thị T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Nguyện

vọng của chị L và anh H phù hợp với nguyện vọng của cháu T, phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản và công nợ:* Chị Ha Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Hà Thị Lua là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Ha Thị L và anh Lê Văn H; cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho Ha Thị L được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Ha Thị L trực tiếp nuôi con chung của anh chị là cháu Lê Thị T, sinh ngày 15/9/2009; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ha Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hô sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2021/0003790, ngày 16/02/2022. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- UBND xã X, huyện Như Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy